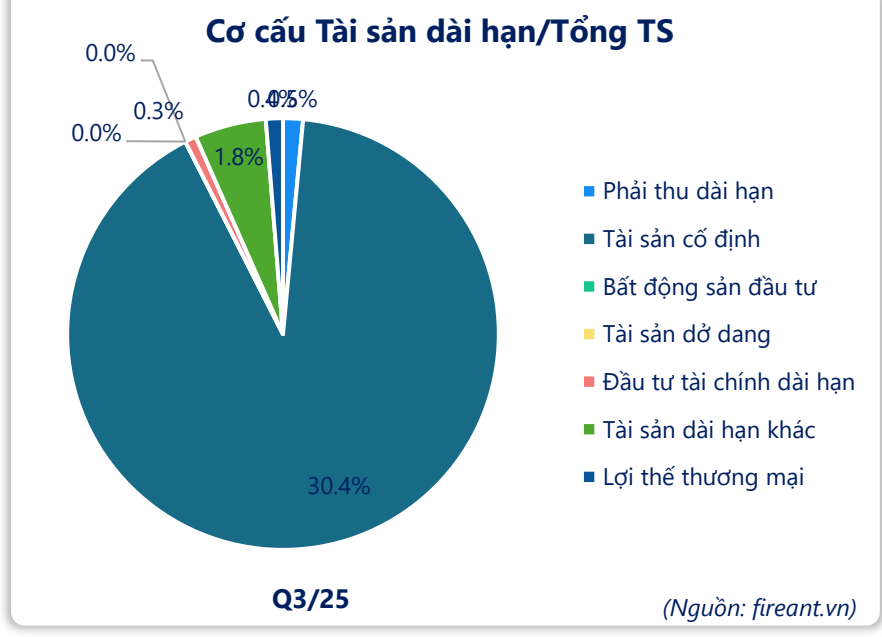
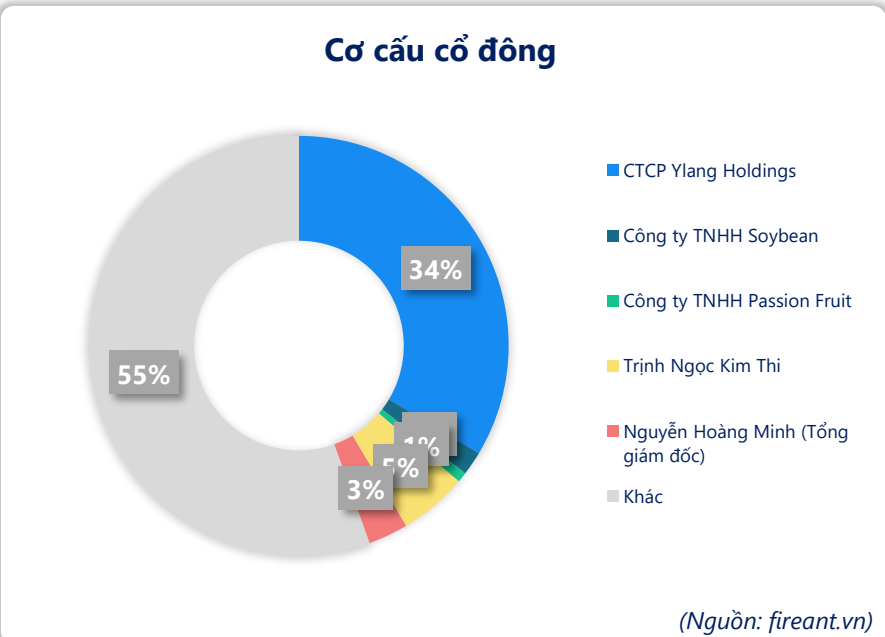
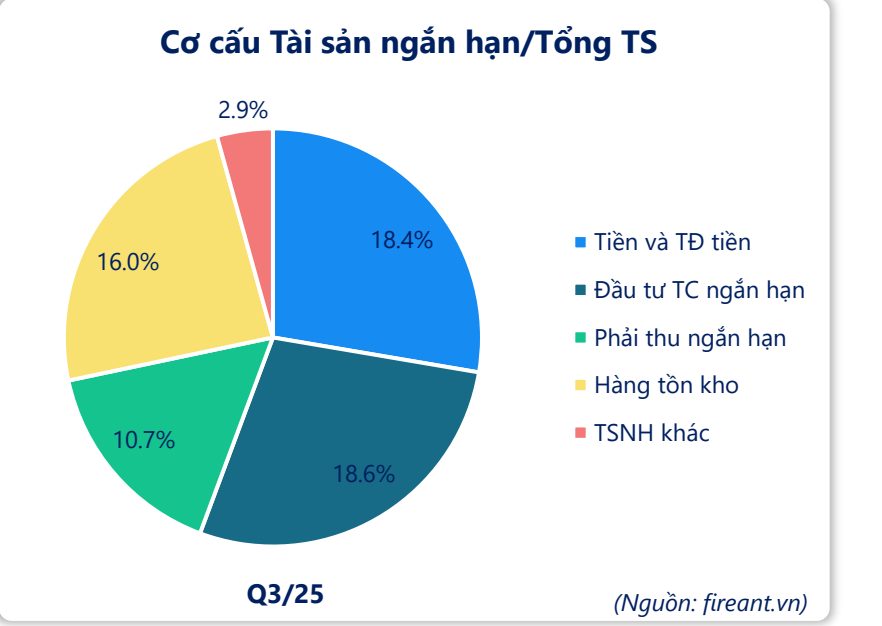
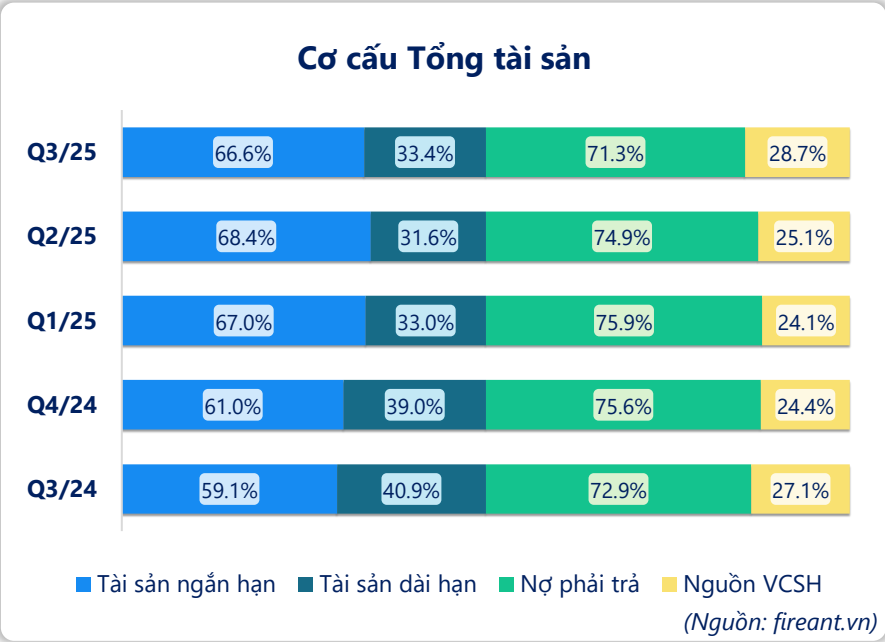
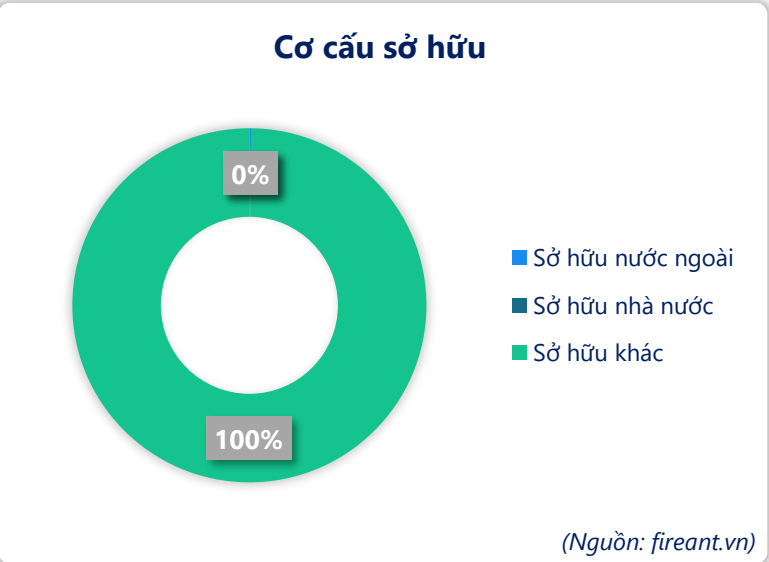
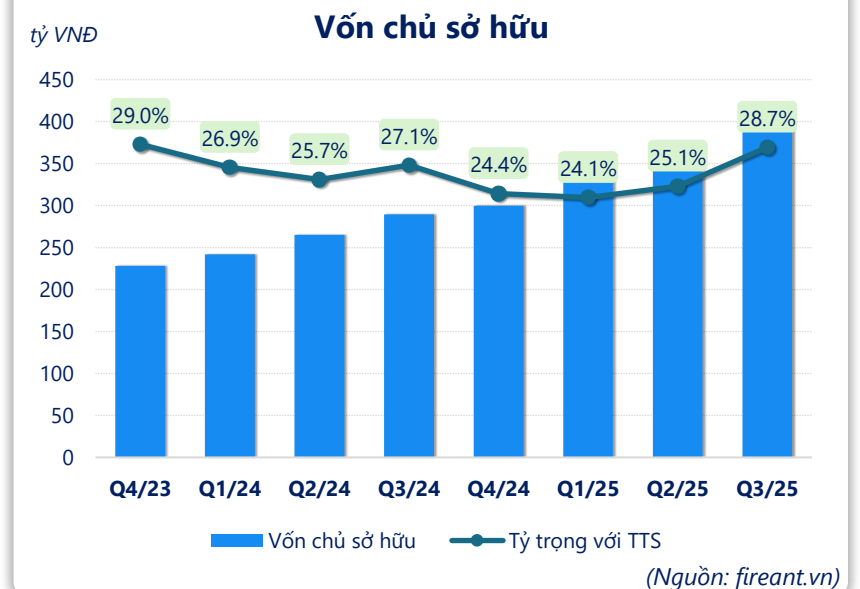
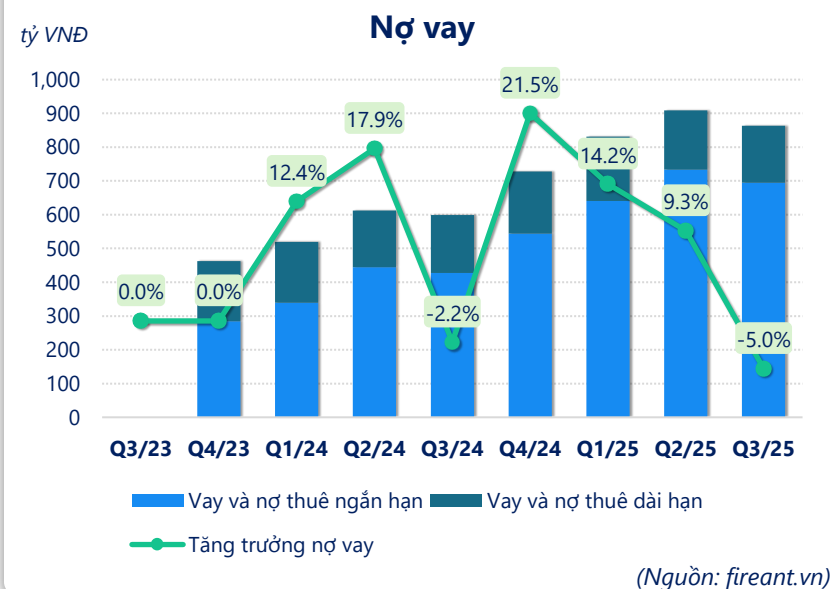
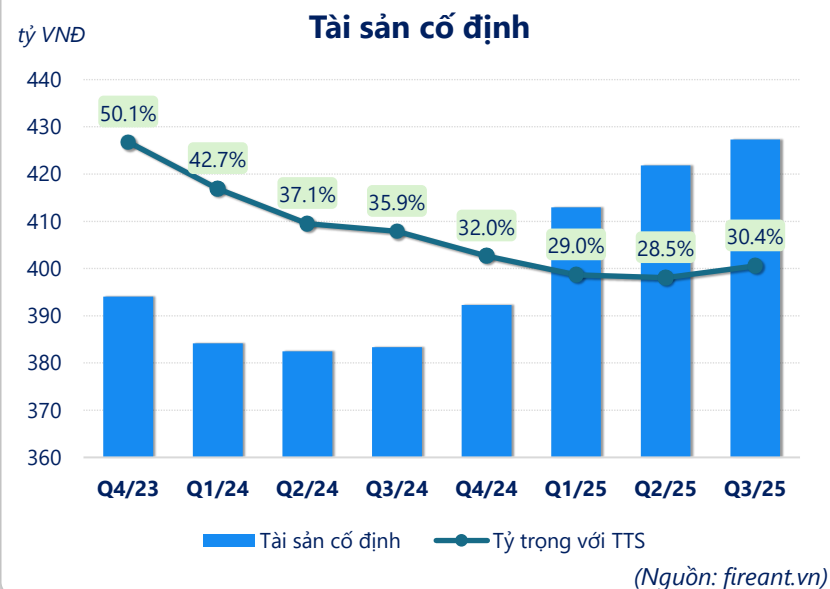
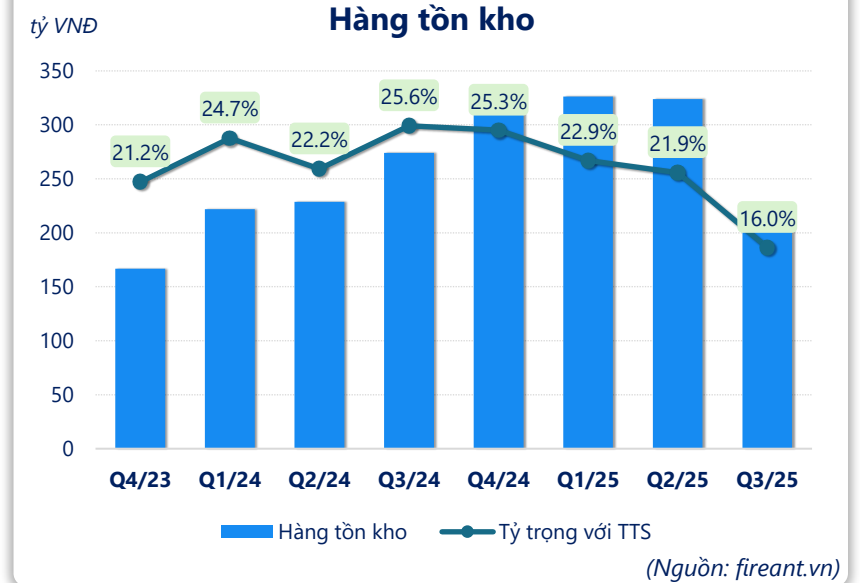
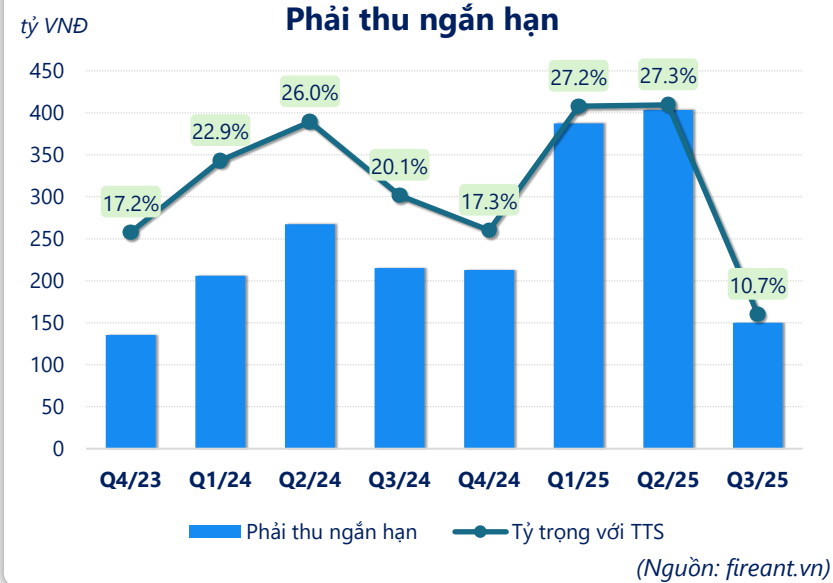
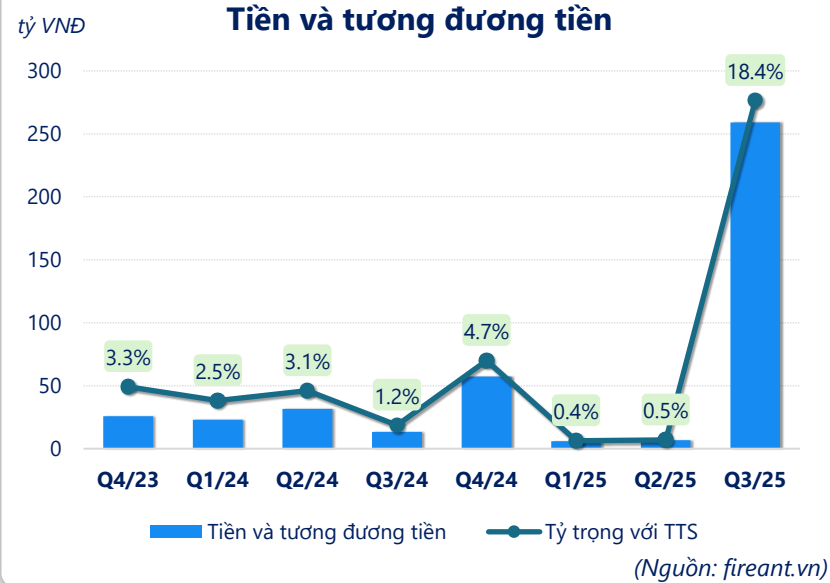
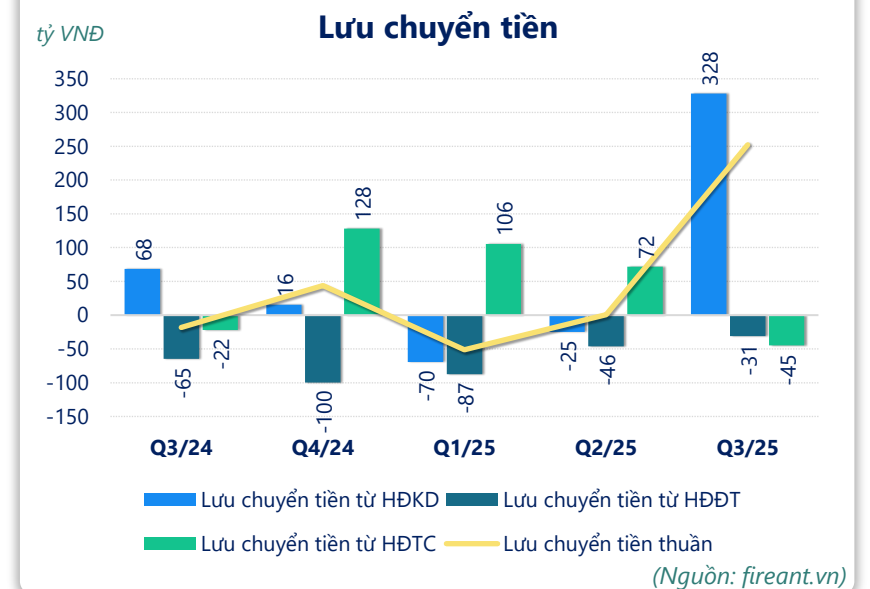
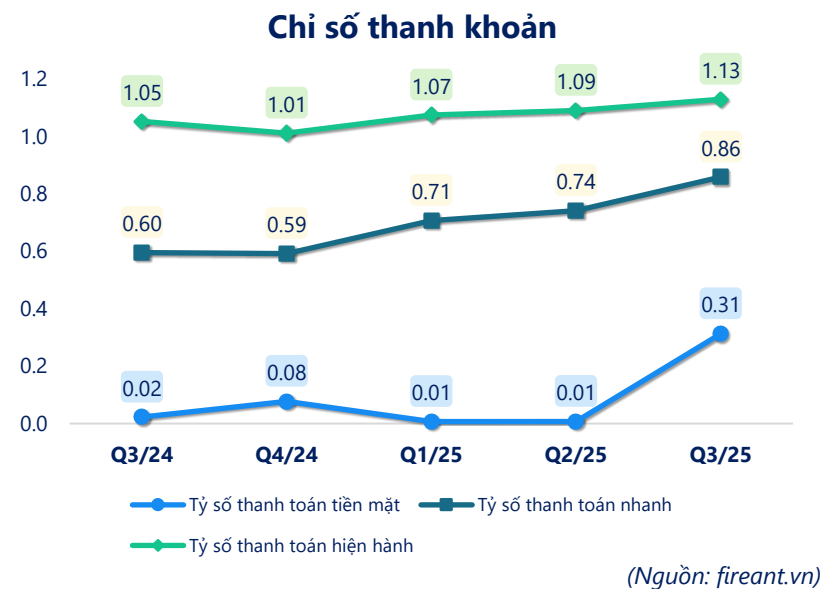
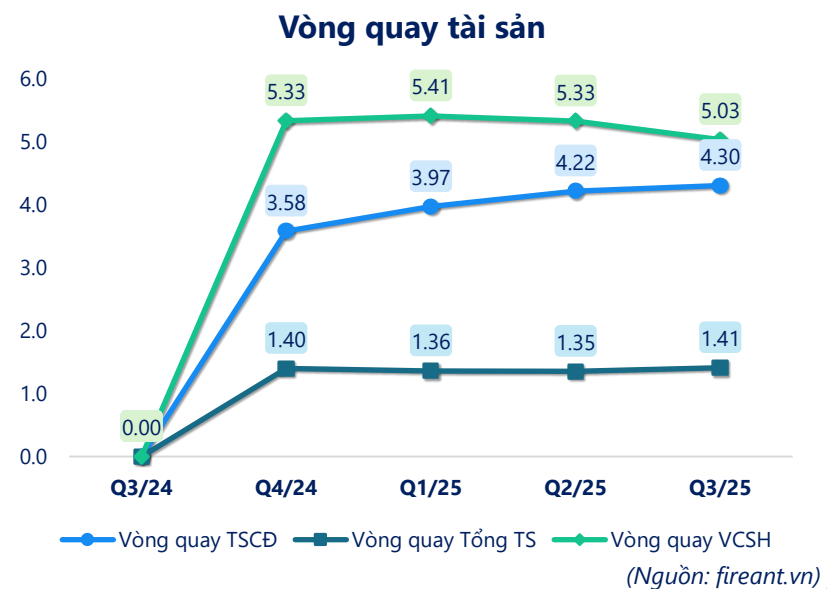
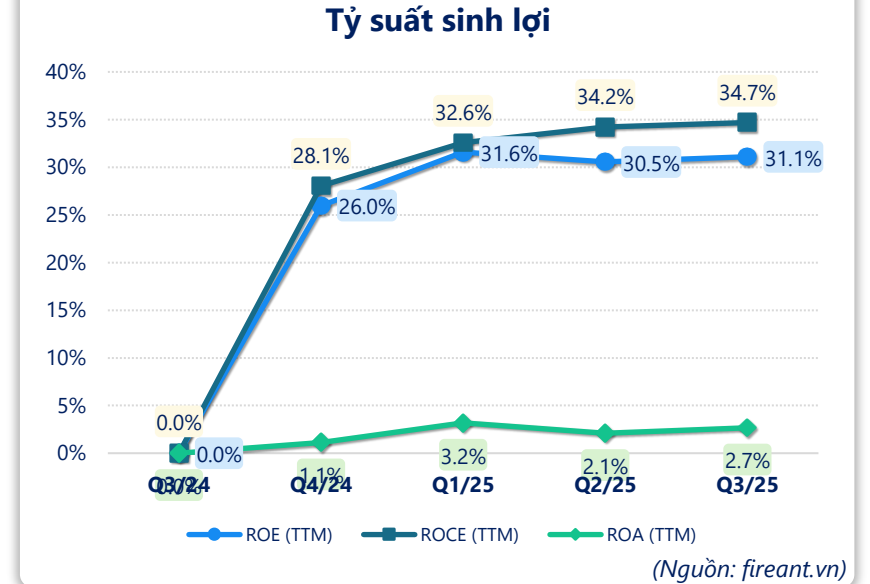
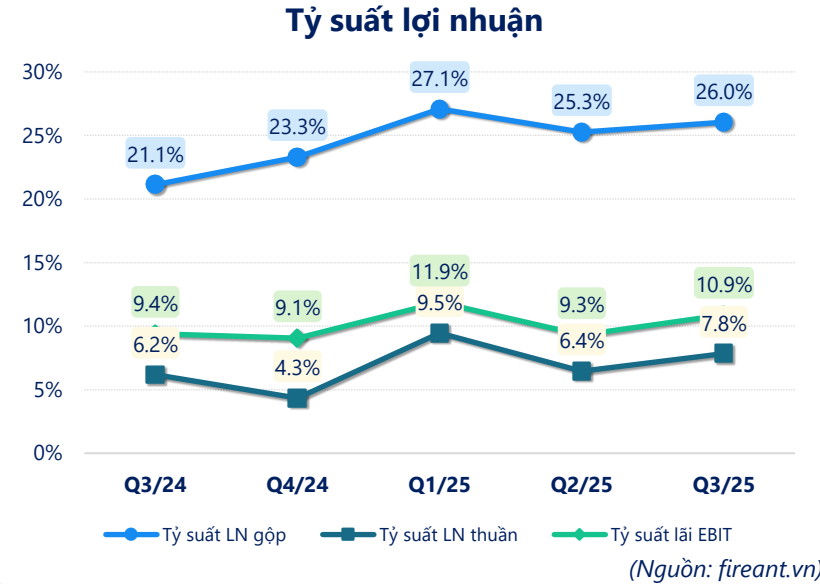
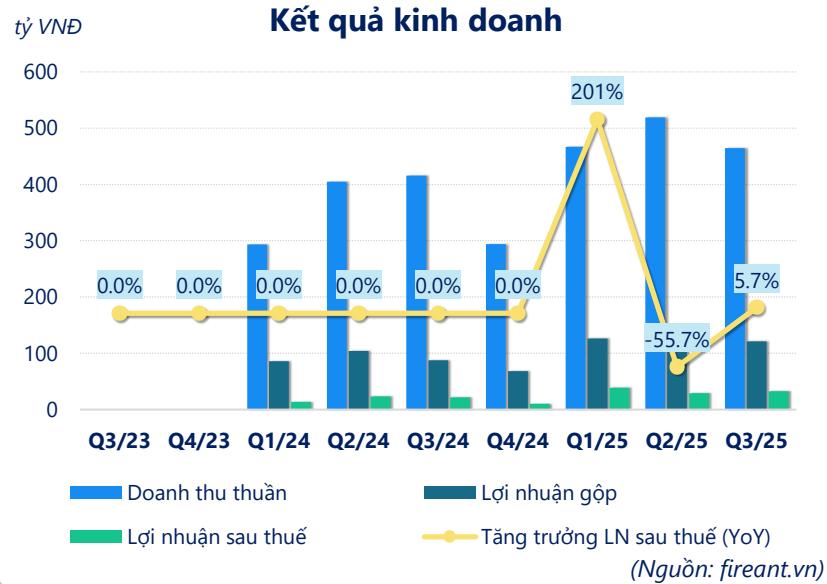


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,560
SL cổ phiếu LH		20,503,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)		111,215
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		574
P/E		5.3
EPS		5,255

	YTD	1T	3T	6T
ANT	57.0%	1.8%	-4.8%	31.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,405	1,224	14.8%
Tài sản ngắn hạn	936	760	23.1%
Tiền và tương đương tiền	259	57.2	352%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	262	144	82.5%
Phải thu ngắn hạn	150	213	-29.5%
Hàng tồn kho	224	323	-30.5%
Tài sản ngắn hạn khác	40.4	23.9	68.7%
Tài sản dài hạn	469	463	1.4%
Phải thu dài hạn	7.00	6.96	0.6%
Tài sản cố định	427	392	8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	34.6	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.00	4.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	25.1	18.7	34.3%
Lợi thế thương mại	5.99	6.57	-8.9%
Nợ phải trả	1,001	922	8.6%
Nợ ngắn hạn	829	737	12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	694	546	27.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.4	70.2	-22.5%
Nợ dài hạn	172	185	-7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	169	182	-6.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	404	302	33.8%
Vốn chủ sở hữu	404	302	33.8%
Vốn điều lệ	205	184	11.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	416	294	467	519	465
Giá vốn hàng bán	328	225	341	388	344
Lợi nhuận gộp	87.9	68.5	127	131	121
Doanh thu HĐTC	7.14	7.63	5.79	8.77	8.19
Chi phí TC	16.3	15.6	13.3	25.8	18.2
Chi phí lãi vay	12.7	13.9	11.4	14.8	14.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	35.9	27.1	36.9	37.8	54.3
Chi phí QLDN	17.1	20.7	38.0	42.9	20.2
LN thuần từ HĐKD	25.7	12.7	44.1	33.5	36.4
Lợi nhuận khác	0.67	0.00	-0.07	0.00	-0.06
LN trước thuế	26.4	12.7	44.1	33.5	36.4
Lợi nhuận sau thuế	21.8	10.2	38.8	29.1	32.4
LNST của CĐ cty mẹ	22.6	11.2	37.0	26.3	33.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.3	15.6	-69.6	-24.7	328
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-64.7	-99.6	-87.2	-46.1	-30.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.8	128	106	71.6	-45.0
Tiền đầu kỳ	31.6	13.3	57.2	6.00	6.79
Lưu chuyển tiền thuần	-18.3	43.9	-51.2	0.78	252
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	13.3	57.2	6.00	6.79	259

(Nguồn: fireant.vn)